



ĐIỀU KIỆN THAM GIA



Đối tượng tham gia

là Người được bảo hiểm, bên mua bảo hiểm phù hợp với quy định của Bảo hiểm Bảo Việt



Tuổi tham gia bảo hiểm

tuổi tham gia từ 16 tuổi đến 55 tuổi (tái tục đến 75 tuổi)



Số tiền bảo hiểm

292,5 triệu đồng, 585 triệu đồng và 1,17 tỷ đồng



Thời hạn bảo hiểm

theo chu kỳ 10 năm



Phí bảo hiểm

tính theo độ tuổi và giới tính



0903 226 297

website: baoviet.com



CÙNG BẢO VIỆT CHUNG TAY BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

BaoViet  Care

BẢO HIỂM BỆNH UNG THƯ

An tâm gánh nặng sẻ chia



HOTLINE: 0903 226 297
(0243) 868 002

EMAIL: admin@baoviet.com
WEBSITE: baoviet.com

BAOVIENT  Insurance
BẢO HIỂM BẢO VIỆT

NIỀM TIN VỮNG CHẮC, CAM KẾT VỮNG BỀN



An tâm gánh nặng sẻ chia



BẢO HIỂM BỆNH UNG THƯ

Sản phẩm Bảo hiểm Bệnh ung thư của Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt là lựa chọn tối ưu giúp khách hàng giảm bớt nỗi lo về chi phí chữa trị bệnh ngay từ ban đầu, an tâm lựa chọn những giải pháp điều trị tốt nhất mà không cần phải lo nghĩ về gánh nặng tài chính.

ƯU ĐIỂM CỦA K-CARE

Bên cạnh những ảnh hưởng về thể chất và tinh thần, những người bị chẩn đoán mắc bệnh ung thư thường phải đối mặt với những khó khăn về kinh tế. Hơn lúc nào hết, họ cần có thêm chi phí hỗ trợ điều trị, chi trả tiền thuốc và các khoản chi phí không tên khác. Sản phẩm bảo hiểm Bệnh ung thư là một giải pháp tối ưu, giảm bớt gánh nặng cho người tham gia bảo hiểm.

Ưu điểm nổi bật của sản phẩm:

- Quyền lợi bảo hiểm được thanh toán theo khoản trọn gói cho khách hàng, giúp khách hàng chủ động tài chính đúng vào thời điểm họ cảm thấy có ít lựa chọn
- Quyền lợi bảo hiểm được chi trả ngay sau lần chẩn đoán đầu tiên khi khách hàng cần đến nhất
- Quyền lợi bảo hiểm được đảm bảo tự động tái tục theo chu kỳ 10 năm mà không cần thẩm định gì thêm
- Phí bảo hiểm hấp dẫn với thủ tục tham gia đơn giản và thuận tiện
- Phí bảo hiểm áp dụng năm đầu tiên và có thể được điều chỉnh cho năm tiếp theo

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM



Quyền lợi bảo hiểm Bệnh ung thư
tối đa lên tới **1 tỷ đồng**



Quyền lợi trợ cấp nằm viện
tối đa **2 triệu đồng/ngày**



Quyền lợi tử vong do bệnh ung thư
tối đa **50 triệu đồng**



Quyền lợi tử vong do tai nạn
tối đa **50 triệu đồng**

Các quyền lợi bảo hiểm độc lập nhau với các lựa chọn số tiền bảo hiểm tham gia hấp dẫn.

CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (VNĐ)	I	II	III
Số tiền bảo hiểm	292.500.000	585.000.000	1.170.000.000
Phạm vi lãnh thổ	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam
1. Quyền lợi bảo hiểm Bệnh ung thư			
1.1. Quyền lợi bảo hiểm Bệnh ung thư giai đoạn sớm	250.000.000	500.000.000	1.000.000.000
1.2. Quyền lợi bảo hiểm Bệnh ung thư giai đoạn trễ	62.500.000	125.000.000	250.000.000
	250.000.000	500.000.000	1.000.000.000
2. Quyền lợi trợ cấp nằm viện			
2.1. Ung thư giai đoạn sớm (trong vòng 180 ngày kể từ ngày có chẩn đoán ung thư giai đoạn sớm)	500.000/ngày, tối đa 30 ngày/cả đời	1.000.000/ngày, tối đa 30 ngày/cả đời	2.000.000/ngày, tối đa 30 ngày/cả đời
2.2. Ung thư giai đoạn trễ (trong vòng 365 ngày kể từ ngày có chẩn đoán ung thư giai đoạn trễ)	500.000/ngày, tối đa 60 ngày/cả đời	1.000.000/ngày, tối đa 60 ngày/cả đời	2.000.000/ngày, tối đa 60 ngày/cả đời
3. Quyền lợi tử vong do bệnh ung thư	12.500.000	25.000.000	50.000.000
4. Quyền lợi tử vong do tai nạn	12.500.000	25.000.000	50.000.000

BẢNG PHÍ BẢO HIỂM

BIỂU PHÍ BẢO HIỂM BỆNH UNG THƯ

Ban hành kèm theo Quyết định số 3065 /QĐ-BHBV ngày 04 tháng 08 năm 2016
của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt

BaoViet  Care

BAOVIET  Insurance
BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Đơn vị: VND/người/năm						
MỨC	CHƯƠNG TRÌNH I		CHƯƠNG TRÌNH II		CHƯƠNG TRÌNH III	
Tuổi/giới tính	NAM	NỮ	NAM	NỮ	NAM	NỮ
16	134.550	134.550	269.100	269.100	538.200	538.200
17	143.325	149.175	286.650	298.350	573.300	596.700
18	160.875	172.575	321.750	345.150	643.500	690.300
19	181.350	204.750	362.700	409.500	725.400	819.000
20	207.675	234.000	415.350	468.000	830.700	936.000
21	234.000	266.175	468.000	532.350	936.000	1.064.700
22	257.400	304.200	514.800	608.400	1.029.600	1.216.800
23	292.500	342.225	585.000	684.450	1.170.000	1.368.900
24	327.600	386.100	655.200	772.200	1.310.400	1.544.400
25	365.625	432.900	731.250	865.800	1.462.500	1.731.600
26	403.650	473.850	807.300	947.700	1.614.600	1.895.400
27	450.450	520.650	900.900	1.041.300	1.801.800	2.082.600
28	500.175	567.450	1.000.350	1.134.900	2.000.700	2.269.800
29	555.750	620.100	1.111.500	1.240.200	2.223.000	2.480.400
30	614.250	675.675	1.228.500	1.351.350	2.457.000	2.702.700
31	687.375	734.175	1.374.750	1.468.350	2.749.500	2.936.700
32	763.425	798.525	1.526.850	1.597.050	3.053.700	3.194.100
33	848.250	868.725	1.696.500	1.737.450	3.393.000	3.474.900
34	944.775	941.850	1.889.550	1.883.700	3.779.100	3.767.400
35	1.053.000	1.020.825	2.106.000	2.041.650	4.212.000	4.083.300
36	1.170.000	1.105.650	2.340.000	2.211.300	4.680.000	4.422.600
37	1.298.700	1.196.325	2.597.400	2.392.650	5.194.800	4.785.300
38	1.444.950	1.298.700	2.889.900	2.597.400	5.779.800	5.194.800
39	1.614.600	1.404.000	3.229.200	2.808.000	6.458.400	5.616.000
40	1.790.100	1.515.150	3.580.200	3.030.300	7.160.400	6.060.600
41	1.977.300	1.632.150	3.954.600	3.264.300	7.909.200	6.528.600
42	2.176.200	1.752.075	4.352.400	3.504.150	8.704.800	7.008.300
43	2.386.800	1.874.925	4.773.600	3.749.850	9.547.200	7.499.700
44	2.609.100	1.997.775	5.218.200	3.995.550	10.436.400	7.991.100
45	2.825.550	2.120.625	5.651.100	4.241.250	11.302.200	8.482.500

Đơn vị: VND/người/năm						
MỨC	CHƯƠNG TRÌNH I		CHƯƠNG TRÌNH II		CHƯƠNG TRÌNH III	
Tuổi/giới tính	NAM	NỮ	NAM	NỮ	NAM	NỮ
46	3.036.150	2.231.775	6.072.300	4.463.550	12.144.600	8.927.100
47	3.240.900	2.334.150	6.481.800	4.668.300	12.963.600	9.336.600
48	3.451.500	2.433.600	6.903.000	4.867.200	13.806.000	9.734.400
49	3.656.250	2.533.050	7.312.500	5.066.100	14.625.000	10.132.200
50	3.852.225	2.617.875	7.704.450	5.235.750	15.408.900	10.471.500
51	4.042.350	2.696.850	8.084.700	5.393.700	16.169.400	10.787.400
52	4.220.775	2.761.200	8.441.550	5.522.400	16.883.100	11.044.800
53	4.384.575	2.819.700	8.769.150	5.639.400	17.538.300	11.278.800
54	4.542.525	2.863.575	9.085.050	5.727.150	18.170.100	11.454.300
55	4.700.475	2.901.600	9.400.950	5.803.200	18.801.900	11.606.400
56*	4.861.350	2.930.850	9.722.700	5.861.700	19.445.400	11.723.400
57*	5.013.450	2.957.175	10.026.900	5.914.350	20.053.800	11.828.700
58*	5.156.775	2.968.875	10.313.550	5.937.750	20.627.100	11.875.500
59*	5.303.025	2.980.575	10.606.050	5.961.150	21.212.100	11.922.300
60*	5.446.350	2.986.425	10.892.700	5.972.850	21.785.400	11.945.700
61*	5.586.750	2.989.350	11.173.500	5.978.700	22.347.000	11.957.400
62*	5.721.300	2.995.200	11.442.600	5.990.400	22.885.200	11.980.800
63*	5.855.850	2.998.125	11.711.700	5.996.250	23.423.400	11.992.500
64*	5.975.775	3.003.975	11.951.550	6.007.950	23.903.100	12.015.900
65*	6.077.711	3.006.900	12.155.423	6.013.800	24.310.845	12.027.600
(*) Độ tuổi tái tục bảo hiểm (không nhận trường hợp tham gia lần đầu)						

 HOTLINE: 0903 226 297
(0243) 868 002

 EMAIL: admin@baoviet.com
WEBSITE: baoviet.com